

Số: /GPMT-UBND

Ninh Thuận, ngày tháng 01 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Xây dựng Thanh Tùng - Ninh Thuận số 01/TTNT ngày 06 tháng 01 năm 2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 197/TTr-STNMT ngày 13 tháng 01 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Xây dựng Thanh Tùng - Ninh Thuận, địa chỉ tại thôn An Xuân, xã Xuân Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án nạo vét khối lượng bồi lắng lòng hồ Phước Trung, thuộc xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận (sau đây viết tắt là Dự án) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Nạo vét khối lượng bồi lắng lòng hồ Phước Trung.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Phước Trung, huyện Bác Ái, tỉnh Ninh Thuận.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4500575846 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp lần đầu

ngày 01/4/2014; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 23/12/2015.

1.4. Mã số thuế: 4500575846.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Xây dựng công trình cấp, thoát nước; xây dựng công trình công ích khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Diện tích khu vực nạo vét 16,75 ha, khối lượng nạo vét 382.734 m³ đã được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép số 36/GP-UBND ngày 25/7/2022 hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi (gia hạn và điều chỉnh).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, được tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên nhà quản lý vận hành và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả thải khí thải, bụi ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Xây dựng Thanh Tùng - Ninh Thuận:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm (từ ngày tháng 01 năm 2023 đến ngày tháng 01 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Bắc Ái tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh Lê Huyền;
- Chủ Dự án (3b);
- Các Sở: TN&MT, NN&PTNT, CT, XD;
- UBND huyện Bắc Ái;
- UBND xã Phước Trung;
- Cổng Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- VPUB: LĐVP, KTTH;
- Lưu: VT. TT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Huyền

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên làm việc tại Dự án.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt giá trị cột B của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt được dẫn về hồ chứa, sau đó được tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên nhà quản lý vận hành.

2.2. Vị trí xả nước thải: Hồ chứa, tọa độ: X = 1294929; Y = 0574804 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108°15', múi chiếu 3°) nằm trong khuôn viên nhà quản lý vận hành.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: Nước thải sinh hoạt: 0,705 m³/ngày đêm; tương đương 0,029 m³/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt giá trị cột B, QCVN 14:2008/BTNMT được tập trung vào hồ chứa theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ).

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: Chất lượng nước thải sinh hoạt sau khi xử lý được tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên nhà quản lý vận hành phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, phải đạt giá trị cột B của QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Tổng chất rắn hoà tan	mg/l	1.000
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50

8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10
10	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân viên được xử lý bằng bể tự hoại, sau đó, theo đường ống về hố chứa được tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên nhà quản lý vận hành.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải của bể tự hoại: Nước thải → bể tự hoại 03 ngăn: ngăn chứa nước (dung tích 2,5 m³) → ngăn lắng (dung tích 1,2 m³) → ngăn lọc (dung tích 1,2 m³) → hố chứa nước sau xử lý (dung tích 0,93 m³) → tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên nhà quản lý vận hành.

- Công suất xử lý nước thải của bể tự hoại: 0,705 m³/ngày.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Hóa chất sử dụng chế phẩm sinh học EM/P.MET.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Từ ngày 03/02/2023 đến ngày 03/5/2023.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Đối với nước thải sinh hoạt: Tại vị trí xả thải nước thải sau xử lý vào hố chứa nước thải, có tọa độ X = 1294929; Y = 0574804 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 108⁰15', múi chiếu 3⁰) nằm trong khuôn viên Dự án.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo mục 2 Phần A Phụ lục này.

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Ba (03) mẫu đơn trong ba (03) ngày liên tiếp giai đoạn vận hành ổn định bể tự hoại.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi thu gom vào hố chứa để tái sử dụng tuần hoàn trong khuôn viên nhà quản lý vận hành.

3.2. Vận hành thường xuyên công trình xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn môi trường.

3.3. Công ty TNHH Xây dựng Thanh Tùng - Ninh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả nước thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI, BỤI

1. **Nguồn phát sinh khí thải, bụi:** Nguồn phát sinh khí thải, bụi từ hoạt động của máy móc, thiết bị và quá trình nạo vét, xúc bốc, vận chuyển khối lượng vật liệu từ khu vực nạo vét và bãi tập kết. Trong đó, thành phần ô nhiễm chính: Bụi (TSP), NO₂, SO₂ và CO.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải, bụi

2.1. Vị trí xả khí thải, bụi:

- Trong phạm vi của khu vực nạo vét của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰		Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
A1	1294723,39	574262,79	5	1294358,17	574435,10
2	1294872,62	574766,96	6	1294238,87	574256,26
3	1294598,49	574805,35	A6	1294226,91	574107,75
4	1294543,02	574409,22	A5	1294486,77	574295,92

- Trong phạm vi của khu vực bãi tập kết của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰		Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
I	Bãi số 01		11	1295025	574484
1	1294968	574331	12	1294991	574496
2	1294977	574321	13	1294941	574447
3	1295023	574302	14	1294902	574379
4	1295043	574316	15	1294949	574337
5	1295072	574323	III	Bãi số 03	
6	1295130	574355	16	1294957	574309
7	1295125	574377	17	1294992	574281

8	1295113	574407	18	1294972	574230
9	1295070	574449	19	1294896	574165
II	Bãi số 02		20	1294856	574195
10	1295046	574450			

2.2. Lưu lượng xả bụi, khí thải lớn nhất: Khi máy móc, thiết bị của quá trình hoạt động nạo vét và từ việc xúc bốc, vận chuyển khối lượng nạo vét cùng hoạt động.

2.2.1. Phương thức xả bụi, khí thải: Không liên tục và chỉ phát sinh khi có hoạt động nạo vét và xúc bốc, vận chuyển khối lượng nạo vét.

2.2.2. Chất lượng không khí tại Dự án phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	TSP	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	300
2	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	200
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	350
4	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	30.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu khí thải, bụi

1.1. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ quá trình hoạt động nạo vét:

- Phun nước tạo ẩm trên bề mặt luồng nạo vét trong trường hợp vị trí luồng nạo vét khô.

- Ưu tiên tối đa việc nạo vét và vận chuyển vật liệu nạo vét về bãi tập kết khi khối lượng còn ẩm.

1.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi từ hoạt động xúc bốc và vận chuyển vật liệu san lấp đi tiêu thụ: Tưới nước dập bụi tuyến đường vận chuyển từ khu vực nạo vét về bãi tập kết và từ bãi tập kết đi qua hết khu dân cư xã Phước Trung với tần suất 2-4 lần/ngày.

1.3. Hóa chất, vật liệu sử dụng cho xử lý bụi: Nước mặt lấy từ lòng hồ Phước Trung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

2.2. Duy trì việc vận hành, bảo dưỡng các công trình, thiết bị như tưới nước dập bụi tại khu vực Dự án, đảm bảo bụi, khí thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

2.3. Công ty TNHH Xây dựng Thanh Tùng - Ninh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi xả thải bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMТ-UBND ngày tháng 01 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN

1. Nguồn phát sinh: Chủ yếu từ hoạt động nạo vét và từ quá trình bốc xúc, vận chuyển khối lượng nạo vét từ bãi tập kết.

2. Vị trí phát sinh

- Trong phạm vi của khu vực nạo vét của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰		Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
A1	1294723,39	574262,79	5	1294358,17	574435,10
2	1294872,62	574766,96	6	1294238,87	574256,26
3	1294598,49	574805,35	A6	1294226,91	574107,75
4	1294543,02	574409,22	A5	1294486,77	574295,92

- Trong phạm vi của khu vực bãi tập kết của Dự án, có tọa độ ranh giới như sau:

Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰		Điểm	Tọa độ VN200, kinh tuyến trực 108 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
	X (m)	Y (m)		X (m)	Y (m)
I	Bãi số 01		11	1295025	574484
1	1294968	574331	12	1294991	574496
2	1294977	574321	13	1294941	574447
3	1295023	574302	14	1294902	574379
4	1295043	574316	15	1294949	574337
5	1295072	574323	III	Bãi số 03	
6	1295130	574355	16	1294957	574309
7	1295125	574377	17	1294992	574281
8	1295113	574407	18	1294972	574230

9	1295070	574449	19	1294896	574165
II	Bãi số 02		20	1294856	574195
10	1295046	574450			

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường, cụ thể như sau

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘNG RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Sử dụng các loại máy móc đúng công suất và thường xuyên bảo trì, bảo dưỡng (tra dầu mỡ tại các bộ phận tiếp xúc gây ồn) các thiết bị thi công và kiểm định kỹ thuật đúng định kỳ theo quy định.

- Trang bị bảo hộ lao động, thiết bị chống ồn cho công nhân thường xuyên làm việc tại những nơi có độ ồn cao.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn phải được giảm thiểu bảo đảm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Công ty TNHH Xây dựng Thanh Tùng - Ninh Thuận chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi phát sinh tiếng ồn không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường./.

PHỤ LỤC 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng 01 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Tổng khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 80 kg/năm. Thành phần là dầu nhớt thải, bình ắc quy thải, giẻ lau dính dầu mỡ,...

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 11,2 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, vỏ chai nhựa, kim loại, thủy tinh, giấy và các loại khác.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại được thu gom vào các thùng chứa (có nắp đậy) riêng từng loại và được lưu chứa tại kho chứa có diện tích 4 m² (kích thước 2 m x 2 m), xây bằng tường gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng; định kỳ chuyển giao cho các đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 01 thùng rác dung tích 120 lít đặt tại khu vực nhà quản lý vận hành. Hợp đồng với đội vệ sinh thu gom địa phương đến thu gom và vận chuyển đi xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố, tài chính cho ứng phó sự cố môi trường và công khai thông tin trong phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 128 và Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và thiết kế các hạng mục công trình

của Dự án; tuân thủ các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy, chữa cháy, giao thông trong khu vực hoạt động trộn bê tông và các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định pháp luật hiện hành./.
